TÒA ÁN NHÂN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 / 10 /2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hà Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST –HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2919 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H L , sinh năm 1989, có mặt
Địa chỉ: Buôn H , xã D , huyện C , tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Anh Y Đ , sinh năm 1988, vắng mặt
Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị H L trình bày:

Chị và anh Y Đ tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2008 sau thời gian tìm hiểu được khoảng một năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CưMgar, huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk ngày 23/10/2008. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do anh Y Đ không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng không chung sống với nhau nữa, anh Y Đ về nhà bố mẹ đẻ tại Buôn T, xã E, huyện C sinh sống cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của chị H L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Y Đ.

Trong thời kỳ hôn nhân chị H L và anh Y Đ có 02 con chung là cháu H N, sinh ngày 22/7/2009 và Y N, sinh ngày 16/4/2013. Nguyện vọng của chị H L xin được nuôi con chung vì các cháu đang còn nhỏ, không yêu cầu anh Y Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án tống đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh Y Đ Ayun đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng anh Y Đ và không hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H L. Chị H L được ly hôn anh Y Đ.

Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của chị H L, giao con chung cho chị H L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Y Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H L và anh Y Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CưMgar, huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ

chồng chị H L và anh Y Đ chung sống được một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Y Đ thường xuyên không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng không chung sống với nhau đã hơn một năm. Nếu anh Y Đ là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Y Đ không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị H L và anh Y Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị H L cho chị H L được ly hôn anh Y Đ.

[4] Về con chung: Chị H L và anh Y Đ có 02 con chung là cháu H N, sinh ngày 22/7/2009 và Y N, sinh ngày 16/4/2013. Hiện nay hai cháu đang được chị H L nuôi dưỡng và đi học, trên cơ sở nguyện vọng của cháu H N cũng như của chị H L giao con chung là cháu H N, sinh ngày 22/7/2009 và Y N, sinh ngày 16/4/2013 cho chị H L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị H L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H L ;

Chị H L được ly hôn với anh Y Đ.

Về con chung: Giao cháu H N, sinh ngày 22/7/2009 và Y N, sinh ngày 16/4/2013 cho chị H L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị H L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0014182 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã CưMgar, huyện CưMgar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu